

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Quy chế lựa chọn nhà thầu
của Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết Cà Mau.**

CHỦ TỊCH CÔNG TY

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014;
Căn cứ Luật Đấu thầu 43/2013/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2013;
Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;
Căn cứ Điều lệ Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết Cà Mau, được ban hành theo Quyết định số 553/QĐ-UBND ngày 15 tháng 4 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau;

Căn cứ vào nhu cầu nhiệm vụ thực tế tại Công ty,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế lựa chọn nhà thầu của Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết Cà Mau.

Điều 2. Ban Giám đốc, các Phòng chức năng, Tổ lập hồ sơ và đánh giá hồ sơ, Tổ Thẩm định trực thuộc Công ty và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./-

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- KSV Công ty ;
- Lưu : VT.



CHỦ TỊCH CÔNG TY

Lê Thanh Hải

Cà Mau, ngày 19 tháng 11 năm 2015

QUY CHẾ LỰA CHỌN NHÀ THẦU

(Ban hành theo Quyết định số: 15/CTCT, ngày 19/11/2015 của Chủ tịch Công ty)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy chế này nhằm cụ thể Luật Đấu thầu 43/2013/QH13 và Nghị định 63/2014/NĐ-CP. Liên quan trực tiếp đến Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết Cà Mau (Xổ Số Cà Mau) là việc lựa chọn nhà thầu thực hiện các dự án đầu tư phát triển.

2. Căn cứ Khoản 2 Điều 3 của Luật Đấu thầu 43/2013/QH13, Quy chế này xây dựng nhằm quy định quản lý việc lựa chọn nhà thầu cung cấp nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, vật tư, dịch vụ tư vấn, dịch vụ phi tư vấn để bảo đảm tính liên tục cho hoạt động sản xuất, kinh doanh và mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của Xổ Số Cà Mau, cụ thể bao gồm các loại hàng hóa, dịch vụ sau đây:

- a) Giấy in vé xổ số;
- b) Các sản phẩm phục vụ, hỗ trợ và tuyên truyền nhằm đảm bảo tính liên tục cho hoạt động kinh doanh;
- c) Các hàng hóa, dịch vụ bảo trì, sửa chữa, nâng cấp tài sản, thiết bị nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của Công ty;

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, sử dụng các từ ngữ đã được giải thích theo Điều 3 của Luật Đấu thầu 43/2013/ QH13. Ngoài ra giải thích thêm một số từ ngữ như sau:

1. Chuỗi cung ứng: Là một hệ thống các tổ chức, cá nhân hoạt động cung cấp các nguồn lực liên quan tới việc chuyển sản phẩm hay dịch vụ từ nhà cung cấp đến khách hàng. Trong Quy chế này chỉ xét mối quan hệ giữa nhà thầu ký hợp đồng cung cấp hàng hóa, dịch vụ trực tiếp với Xổ Số Cà Mau.

2. Nhà thầu đã tham gia chuỗi cung ứng: Là các nhà thầu đã được đánh giá đủ năng lực, kinh nghiệm thực hiện một hoặc một số gói thầu thuộc các lĩnh vực quy định tại Điểm a, b, c Khoản 2 Điều 1 của Quy chế này; đã ký và thực hiện đúng hợp đồng cung cấp hàng hóa dịch vụ.

3. Nhà thầu đủ điều kiện tham gia chuỗi cung ứng: Là các nhà thầu đã tham gia dự thầu thuộc các lĩnh vực quy định tại Điểm a, b, c Khoản 2 Điều 1 của

Quy chế này, đã được đánh giá đủ năng lực, kinh nghiệm thuộc lĩnh vực dự thầu nhưng chưa đạt yêu cầu về giá; hoặc là các nhà thầu có nhu cầu cung cấp hàng hóa dịch vụ thuộc các lĩnh vực quy định tại Điểm a, b, c Khoản 2 Điều 1 của Quy chế này và đã được đánh giá đủ năng lực, kinh nghiệm theo những tiêu chí của hồ sơ yêu cầu đối với gói thầu tương tự.

4. Danh sách nhà thầu tham gia chuỗi cung ứng: Là danh sách có tối thiểu từ 3 nhà thầu cùng thỏa điều kiện về năng lực, kinh nghiệm đối với loại hàng hóa, dịch vụ cụ thể đã được giải thích tại Khoản 2, Khoản 3 của Điều này.

5. Luật Đấu thầu 43: Là Luật Đấu thầu 43/2013/ QH13 do Quốc hội ban hành ngày 26/11/2013 và luật sửa đổi bổ sung luật này (nếu có)

6. Nghị định 63: Là Nghị định số 63/2014/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 26/6/2014 và nghị định sửa đổi bổ sung nghị định này (nếu có)

7. Các diễn dẫn: Các diễn dẫn về tiết, mục, điều, khoản có liên quan đến Luật Đấu thầu 43 và Nghị định 63 sẽ được điều chỉnh, cập nhật tương ứng khi Luật và Nghị định này có sự sửa đổi, bổ sung.

Điều 3. Phân loại gói thầu

1. Bao gồm các gói thầu thuộc các dự án đầu tư phát triển, trừ các nhóm gói thầu thuộc các dự án đầu tư phát triển dưới đây của Điều này;

2. Bao gồm các gói thầu thuộc các dự án đầu tư phát triển, có yêu cầu cao về kỹ thuật hoặc kỹ thuật có tính đặc thù mà chỉ có một số nhà thầu đáp ứng yêu cầu của gói thầu;

3. Bao gồm các gói thầu của dự án đầu tư phát triển, thuộc loại và với quy mô cụ thể sau đây:

a) Gói thầu cần thực hiện để khắc phục ngay hoặc để xử lý kịp thời hậu quả gây ra do sự cố bất khả kháng;

b) Gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn, dịch vụ phi tư vấn, mua sắm hàng hóa phải mua từ nhà thầu đã thực hiện trước đó do phải bảo đảm tính tương thích về công nghệ, bản quyền mà không thể mua được từ nhà thầu khác;

c) Gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn thiết kế xây dựng được chỉ định cho tác giả của thiết kế kiến trúc công trình trúng tuyển hoặc được tuyển chọn khi tác giả có đủ điều kiện năng lực theo quy định;

d) Gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn, dịch vụ phi tư vấn cho các dự án đầu tư phát triển không quá 500 triệu đồng;

đ) Gói thầu cung cấp hàng hóa, xây lắp, hỗn hợp cho các dự án đầu tư phát triển không quá 01 tỷ đồng;

4. Bao gồm các gói thầu của dự án đầu tư phát triển, thuộc loại và với quy mô cụ thể sau đây:

a) Gói thầu có giá trị không quá 05 tỷ đồng, bao gồm: Gói thầu dịch vụ phi tư vấn thông dụng, đơn giản; gói thầu mua sắm hàng hóa thông dụng, sẵn có trên thị trường với đặc tính kỹ thuật được tiêu chuẩn hóa và tương đương nhau về chất lượng; gói thầu xây lắp công trình đơn giản đã có thiết kế bản vẽ thi công được phê duyệt.

b) Gói thầu dịch vụ phi tư vấn thông dụng, đơn giản có giá trị không quá 500 triệu đồng;

c) Gói thầu có giá trị không quá 01 tỷ đồng, bao gồm: Gói thầu mua sắm hàng hóa thông dụng, sẵn có trên thị trường với đặc tính kỹ thuật được tiêu chuẩn hóa và tương đương nhau về chất lượng; Gói thầu xây lắp công trình đơn giản đã có thiết kế bản vẽ thi công được phê duyệt.

5. Bao gồm các gói thầu theo quy định tại Khoản 2 Điều 1 của Quy chế này, thuộc loại và với quy mô cụ thể sau đây:

a) Gói thầu có giá trị trên 05 tỷ đồng về cung cấp giấy in vé xổ số ; gói thầu có giá trị trên 02 tỷ đồng về cung các sản phẩm phục vụ, hỗ trợ và tuyên truyền nhằm đảm bảo tính liên tục cho hoạt động kinh doanh; gói thầu có giá trị trên 01 tỷ đồng về cung cấp hàng hóa, dịch vụ bảo trì, sửa chữa, nâng cấp tài sản, thiết bị nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của doanh nghiệp;

b) Gói thầu có giá trị từ trên 02 tỷ đến 05 tỷ đồng về cung cấp giấy in vé xổ số; gói thầu có giá trị từ trên 01 tỷ đến 02 tỷ đồng về cung cấp các sản phẩm phục vụ, hỗ trợ và tuyên truyền nhằm đảm bảo tính liên tục cho hoạt động kinh doanh; gói thầu có giá trị từ trên 600 triệu đến 01 tỷ đồng về cung cấp hàng hóa, dịch vụ bảo trì, sửa chữa, nâng cấp tài sản, thiết bị nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của doanh nghiệp;

c) Gói thầu có giá trị từ trên 01 tỷ đến 02 tỷ đồng về cung cấp giấy in vé xổ số; gói thầu có giá trị từ trên 600 triệu đến 01 tỷ đồng về cung cấp các sản phẩm phục vụ, hỗ trợ và tuyên truyền nhằm đảm bảo tính liên tục cho hoạt động kinh doanh; gói thầu có giá trị từ trên 300 triệu đến 600 triệu đồng về cung cấp hàng hóa, dịch vụ bảo trì, sửa chữa, nâng cấp tài sản, thiết bị nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của doanh nghiệp;

d) Gói thầu có giá trị từ trên 500 triệu đến 01 tỷ đồng về cung cấp giấy in vé xổ số; gói thầu có giá trị từ trên 200 triệu đến 600 triệu đồng về cung cấp các sản phẩm phục vụ, hỗ trợ và tuyên truyền nhằm đảm bảo tính liên tục cho hoạt động kinh doanh; gói thầu có giá trị từ trên 100 triệu đến 300 triệu đồng về cung cấp hàng hóa, dịch vụ bảo trì, sửa chữa, nâng cấp tài sản, thiết bị nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của doanh nghiệp;

đ) Gói thầu có giá trị không quá 500 triệu đồng về cung cấp giấy in vé xổ số; gói thầu có giá trị không quá 200 triệu đồng về cung cấp các sản phẩm phục vụ, hỗ trợ và tuyên truyền nhằm đảm bảo tính liên tục cho hoạt động kinh doanh; gói thầu có giá trị không quá 100 triệu đồng về cung cấp hàng hóa, dịch vụ bảo trì, sửa chữa, nâng cấp tài sản, thiết bị nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của doanh nghiệp;

6. Các gói thầu khác bao gồm:

a) Gói thầu gia công in vé xổ số.

b) Bán giấy vụn, cung cấp dịch vụ quảng cáo...

Điều 4. Thông tin về lựa chọn nhà thầu

1. Thông tin về lựa chọn nhà thầu thuộc gói thầu theo Khoản 1, 2, 3, 4 Điều 3 của Quy chế này, thực hiện theo Điều 8 của Luật Đấu thầu 43 và Điều 7, Điều 8 của Nghị định 63.

2. Thông tin về lựa chọn nhà thầu thuộc gói thầu theo Khoản 5 Điều 3 của Quy chế này phải được đăng tải trên chuyên mục lựa chọn nhà thầu của Website : xosocamau.com, bao gồm:

- a) Kế hoạch lựa chọn nhà thầu;
- b) Thông báo mời chào hàng, thông báo mời thầu;
- c) Kết quả lựa chọn nhà thầu;
- d) Quy chế này;
- đ) Thông tin khác có liên quan.

Riêng thông báo mời chào hàng, thông báo mời thầu ngoài thông báo trên Website còn phải thông báo bổ sung thêm một trong các hình thức khác như điện thoại, Fax, Email, gửi thư trực tiếp, nhằm đảm bảo tất cả các nhà thầu trong danh sách nhà thầu tham gia chuỗi cung ứng theo Khoản 4 Điều 2 của Quy chế này biết được thông tin về gói thầu.

3. Thời hạn, quy trình cung cấp và đăng tải thông tin lựa chọn nhà thầu:

- Đối với thông tin quy định tại Khoản 2 Điều này, chủ đầu tư phải đăng tải thông tin không muộn hơn 05 ngày làm việc, kể từ ngày văn bản được ban hành.

- Bên mời thầu phát hành hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu theo thời gian quy định trong thông báo mời thầu, thông báo mời chào hàng nhưng phải bảo đảm tất cả các nhà thầu trong danh sách nhà thầu tham gia chuỗi cung ứng theo Khoản 4 Điều 2 của Quy chế này biết được thông tin về gói thầu theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều này.

Điều 5. Thời gian trong quá trình lựa chọn nhà thầu

1. Thời gian trong quá trình lựa chọn nhà thầu đối với các gói thầu theo Khoản 1, 2, 3, 4 Điều 3 của Quy chế này, thực hiện theo Điều 12 của Luật Đấu thầu 43 và Khoản 2 Điều 64 của Nghị định 63.

2. Thời gian trong quá trình lựa chọn nhà thầu đối với các gói thầu theo Khoản 5 Điều 3 của Quy chế này, thực hiện như sau:

a) Thời gian phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu tối đa là 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được báo cáo thẩm định;

b) Hồ sơ yêu cầu được phát hành sau 02 ngày làm việc, kể từ ngày đăng tải thông báo mời thầu. Trường hợp mời thầu theo danh sách nhà thầu tham gia chuỗi cung ứng quy định tại Khoản 4 Điều 2 của Quy chế này, thì Hồ sơ yêu cầu được phát hành ngay và phải cùng lúc cho tất cả các nhà thầu trong danh sách;

c) Thời gian chuẩn bị hồ sơ đề xuất tối thiểu là 03 ngày làm việc đối với trường hợp không yêu cầu bảo đảm dự thầu và tối thiểu là 05 ngày làm việc đối với trường hợp có yêu cầu bảo đảm dự thầu, kể từ ngày đầu tiên hồ sơ yêu cầu được phát hành đến ngày có thời điểm đóng thầu. Nhà thầu phải nộp hồ sơ đề xuất trước thời điểm đóng thầu;

d) Thời gian đánh giá hồ sơ đề xuất tối đa là 07 ngày làm việc, kể từ ngày có thời điểm đóng thầu đến ngày bên mời thầu trình chủ đầu tư phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu. Trường hợp cần thiết, có thể kéo dài thời gian đánh giá hồ sơ đề xuất nhưng không quá 05 ngày làm việc;

đ) Thời gian thẩm định tối đa là 05 ngày làm việc cho từng nội dung thẩm định: kế hoạch lựa chọn nhà thầu, hồ sơ yêu cầu, kết quả lựa chọn nhà thầu kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ trình;

e) Thời gian phê duyệt hồ sơ yêu cầu, kết quả lựa chọn nhà thầu, ý kiến xử lý về kết quả lựa chọn nhà thầu tối đa là 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được tờ trình đề nghị phê duyệt hồ sơ yêu cầu, kết quả lựa chọn nhà thầu, ý kiến xử lý về kết quả lựa chọn nhà thầu;

g) Thời gian có hiệu lực của hồ sơ đề xuất tối đa là 60 ngày, kể từ ngày có thời điểm đóng thầu;

h) Thời gian gửi văn bản sửa đổi hồ sơ đề xuất đến các nhà thầu đã nhận hồ sơ đề xuất tối thiểu là 03 ngày làm việc, tính từ thời điểm gửi văn bản đến thời điểm đóng thầu.

i) Thời hạn gửi văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu cho các nhà thầu tham dự thầu theo đường bưu điện, fax không muộn hơn 05 ngày làm việc, kể từ ngày kết quả lựa chọn nhà thầu được phê duyệt.

Điều 6. Chi phí trong lựa chọn nhà thầu

1. Chi phí trong lựa chọn nhà thầu thuộc gói thầu theo Khoản 1, 2, 3, 4 Điều 3 của Quy chế này, thực hiện theo Điều 13 của Luật Đấu thầu 43 và Điều 9 của Nghị định 63.

2. Chi phí trong lựa chọn nhà thầu thuộc gói thầu nhóm 5 theo Điều 3 của Quy chế này:

a) Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu, chủ đầu tư quyết định mức giá bán một bộ hồ sơ yêu cầu tối đa 1.000.000 đồng (bao gồm cả thuế) hoặc phát miễn phí cho nhà thầu.

b) Chi phí trực tiếp lựa chọn nhà thầu bao gồm chi phí lập hồ sơ yêu cầu; chi phí thẩm định, phê duyệt hồ sơ yêu cầu; chi phí đánh giá hồ sơ đề xuất; chi phí thẩm định, phê duyệt kết quả chọn thầu, với định mức như sau:

- Tổng chi phí trực tiếp lựa chọn nhà thầu thành công theo hình thức chào hàng cạnh tranh bằng 0,2% so với giá gói thầu nhưng tối thiểu bằng 1.000.000 đồng, tối đa 5.000.000 đồng. Khi thực hiện gói thầu tương tự từ lần thứ hai trở đi thì chi phí trực tiếp lựa chọn nhà thầu bằng 50% so với lần 1, nhưng tối thiểu bằng 700.000 đồng, tối đa 3.000.000 đồng.

- Tổng chi phí trực tiếp lựa chọn nhà thầu thành công theo hình thức chỉ định thầu bằng 0,15% so với giá gói thầu nhưng tối thiểu bằng 700.000 đồng, tối đa 3.500.000 đồng. Khi thực hiện gói thầu tương tự từ lần thứ hai trở đi thì chi phí trực tiếp lựa chọn nhà thầu bằng 50% so với lần 1 nhưng tối thiểu bằng 500.000 đồng, tối đa 2.000.000 đồng .

c) Chi phí cho Hội đồng tư vấn giải quyết kiến nghị của nhà thầu về kết quả lựa chọn nhà thầu là 0,02% giá dự thầu của nhà thầu có kiến nghị nhưng tối thiểu là 500.000 đồng và tối đa là 3.000.000 đồng.

3. Chi phí thuê tư vấn chuyên nghiệp hỗ trợ cho hoạt động chọn nhà thầu của Xổ Số Cà Mau: Thực hiện theo hợp đồng thuê tư vấn thực tế.

Điều 7. Các quy định chung khác, bao gồm:

1. Tư cách hợp lệ của nhà thầu, thực hiện theo Điều 5 của Luật Đấu thầu 43;
2. Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu, thực hiện theo Điều 6 của Luật Đấu thầu 43 và Điều 2 của Nghị định 63;
3. Điều kiện phát hành hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu, thực hiện theo Điều 7 của Luật Đấu thầu 43;
4. Ngôn ngữ và đồng tiền sử dụng trong đấu thầu, thực hiện theo Điều 9 và Điều 10 của Luật Đấu thầu 43;
5. Bảo đảm dự thầu, bảo đảm thực hiện hợp đồng thực hiện theo Điều 11 của Luật Đấu thầu 43 và Khoản 3 Điều 64 của Nghị định 63. Riêng đối với các nhà thầu đủ điều kiện tham gia chuỗi cung ứng theo quy định tại Khoản 3 Điều 2 của Quy chế này khi tham gia các gói thầu thuộc Khoản 5 Điều 3 của Quy chế này thì chủ đầu tư có thể quyết định mức đảm bảo dự thầu, bảo đảm thực hiện hợp đồng thấp hơn so với quy định, hoặc không cần đảm bảo dự thầu, bảo đảm thực hiện hợp đồng (nhưng phải được thể hiện trong kế hoạch đấu thầu);
6. Điều kiện đối với cá nhân tham gia hoạt động đấu thầu, thực hiện theo Điều 16 của Luật Đấu thầu 43;
7. Các trường hợp hủy thầu và trách nhiệm khi hủy thầu, thực hiện theo Điều 17 và Điều 18 của Luật Đấu thầu 43;
8. Lưu trữ hồ sơ trong quá trình lựa chọn nhà thầu, thực hiện theo Điều 10 của Nghị định 63.
9. Nguyên tắc cơ bản chọn nhà thầu đối với các gói thầu có yêu cầu kỹ thuật đặc biệt:

a) Đối với nguyên liệu giấy :

- Vì đây là vật liệu chính để in tờ vé đạt tiêu chuẩn theo yêu cầu của quy trình in, nên đã được tổ chức in thử nghiệm trong thực tế. Do đó, loại giấy cần mua được nêu cụ thể thương hiệu và xuất xứ trong kế hoạch đấu thầu và hồ sơ yêu cầu.

- Loại giấy mua được nhập khẩu, khổ giấy in vé của Công ty sử dụng là loại không phổ biến, nên khi đặt mua phải tốn một khoảng thời gian dài nhất định. Ngoài ra, nhu cầu in vé không được phép trễ hẹn. Do đó, nên theo xu hướng chọn từ hai đến ba nhà cung cấp nhằm đảm bảo an toàn, cung cấp giấy kịp thời cho quy trình in vé. Do đó, gói thầu mua giấy trong cùng một giai đoạn có thể được tách ra nhiều gói thầu nhỏ.

b) Đối với hàng hóa khác đòi hỏi kỹ thuật đặc biệt ; hoặc đồng bộ về tiêu chuẩn kỹ thuật với thiết bị đã có; hoặc khó quy định tiêu chuẩn kỹ thuật chung, dễ dẫn đến trường hợp nhà thầu lợi dụng cung cấp hàng hóa không đạt chất lượng theo

nhu cầu sử dụng, thì có thể nêu trực tiếp thương hiệu và xuất xứ hàng hóa trong kế hoạch đấu thầu và hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu.

Chương II

HÌNH THỨC, PHƯƠNG THỨC LỰA CHỌN NHÀ THẦU

Điều 8. Về phương thức lựa chọn nhà thầu

Phương thức áp dụng lựa chọn nhà thầu cho tất cả các gói thầu tại Xổ Số Cà Mau là Phương thức một giai đoạn một túi hồ sơ, thực hiện theo Điều 28 của Luật Đấu thầu 43;

Điều 9. Quy trình đấu thầu rộng rãi, hạn chế đối với gói thầu dịch vụ phi tư vấn, mua sắm hàng hóa, xây lắp, hỗn hợp

1. Phạm vi áp dụng, bao gồm các gói thầu dịch vụ phi tư vấn, mua sắm hàng hóa, xây lắp, hỗn hợp thuộc Khoản 1, 2 Điều 3 của Quy chế này.

2. Về hình thức đấu thầu rộng rãi và hạn chế, thực hiện theo Điều 20 và Điều 21 của Luật Đấu thầu 43;

3. Về quy trình, thực hiện theo các điều khoản của Nghị định 63, bao gồm:

a) Quy trình chi tiết, thực hiện theo Điều 11 của Nghị định 63;

b) Lập hồ sơ mời thầu, thực hiện theo Điều 12 của Nghị định 63;

c) Thẩm định và phê duyệt hồ sơ mời thầu, thực hiện theo Điều 13 của Nghị định 63;

d) Tổ chức lựa chọn nhà thầu, thực hiện theo Điều 14 của Nghị định 63;

đ) Nguyên tắc đánh giá hồ sơ dự thầu, thực hiện theo Điều 15 của Nghị định 63;

e) Làm rõ hồ sơ dự thầu, thực hiện theo Điều 16 của Nghị định 63;

g) Sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch, thực hiện theo Điều 17 của Nghị định 63;

h) Đánh giá hồ sơ dự thầu, thực hiện theo Điều 18 của Nghị định 63;

i) Thương thảo hợp đồng, thực hiện theo Điều 19 của Nghị định 63;

k) Trình, thẩm định, phê duyệt và công khai kết quả lựa chọn nhà thầu, thực hiện theo Điều 20 của Nghị định 63;

Điều 10. Quy trình đấu thầu rộng rãi, hạn chế đối với gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn, đối với nhà thầu là tổ chức

1. Phạm vi áp dụng, bao gồm các gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn thuộc Khoản 1, 2 Điều 3 của Quy chế này.

2. Về hình thức đấu thầu rộng rãi và hạn chế, thực hiện theo Điều 20 và Điều 21 của Luật Đấu thầu 43;

3. Về quy trình, thực hiện theo các điều, khoản của Nghị định 63, bao gồm:

a) Quy trình chi tiết, thực hiện theo Điều 32 của Nghị định 63;

b) Lựa chọn danh sách ngắn, thực hiện theo Điều 33 của Nghị định 63;

c) Lập hồ sơ mời thầu, thực hiện theo Điều 34 của Nghị định 63;

- d) Thẩm định và phê duyệt hồ sơ mời thầu, thực hiện theo Điều 35 của Nghị định 63;
- đ) Tổ chức lựa chọn nhà thầu, thực hiện theo Điều 36 của Nghị định 63;
- e) Nguyên tắc đánh giá; làm rõ hồ sơ dự thầu; sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch, thực hiện theo Điều 37 của Nghị định 63;
- g) Đánh giá hồ sơ đề xuất về kỹ thuật, thực hiện theo Điều 38 của Nghị định 63;
- h) Mở và đánh giá hồ sơ đề xuất về tài chính, thực hiện theo Điều 39 của Nghị định 63;
- i) Thương thảo hợp đồng, thực hiện theo Điều 40 của Nghị định 63;
- k) Trình, thẩm định, phê duyệt và công khai kết quả lựa chọn nhà thầu, thực hiện theo Điều 41 của Nghị định 63;

Điều 11. Quy trình đấu thầu rộng rãi, hạn chế đối với gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn, đối với nhà thầu là cá nhân

- 1. Phạm vi áp dụng, bao gồm các gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn thuộc Khoản 1, 2 Điều 3 của Quy chế này.
- 2. Về hình thức đấu thầu rộng rãi và hạn chế, thực hiện theo Điều 20 và Điều 21 của Luật Đấu thầu 43;
- 3. Về quy trình, thực hiện theo các điều khoản của Nghị định 63, bao gồm:
 - a) Lập, trình và phê duyệt điều khoản tham chiếu, danh sách tư vấn cá nhân, , thực hiện theo Điều 42 của Nghị định 63;
 - b) Gửi thư mời và đánh giá hồ sơ lý lịch khoa học của tư vấn cá nhân; phê duyệt và ký kết hợp đồng, thực hiện theo Điều 43 của Nghị định 63;

Điều 12. Quy trình chỉ định thầu thông thường

- 1. Phạm vi áp dụng, bao gồm:
 - Các gói thầu thuộc Điểm b, c Khoản 3 Điều 3 của Quy chế này;
 - Các gói thầu thuộc Điểm c Khoản 5 Điều 3 của Quy chế này.
- 2. Căn cứ thực hiện chỉ định thầu, thực hiện theo Điều 22 của Luật Đấu thầu 43 và Điều 54 của Nghị định 63;
- 3. Quy trình chỉ định thầu thông thường, theo Điều 55 của Nghị định 63.

Điều 13. Quy trình chỉ định thầu rút gọn

- 1. Phạm vi áp dụng, bao gồm:
 - Các gói thầu thuộc Điểm a, d, đ Khoản 3 Điều 3 của Quy chế này;
 - Các gói thầu thuộc Điểm d Khoản 5 Điều 3 của Quy chế này.
- 2. Căn cứ thực hiện chỉ định thầu, thực hiện theo Điều 22 của Luật Đấu thầu 43 và Điều 54 của Nghị định 63;
- 3. Quy trình chỉ định thầu thông thường, thực hiện theo Điều 56 của Nghị định 63.

Điều 14. Quy trình chào hàng cạnh tranh thông thường

1. Phạm vi áp dụng, bao gồm:
 - Các gói thầu thuộc Điểm a Khoản 4 Điều 3 của Quy chế này;
 - Các gói thầu thuộc Điểm a Khoản 5 Điều 3 của Quy chế này.
2. Căn cứ thực hiện chào hàng cạnh tranh: Theo Điều 23 của Luật Đấu thầu 43 và Điều 57 của Nghị định 63;
3. Quy trình chào hàng cạnh tranh thông thường: Theo Điều 58 của Nghị định 63.

Điều 15. Quy trình chào hàng cạnh tranh rút gọn

1. Phạm vi áp dụng, bao gồm:
 - Các gói thầu thuộc Điểm b, c Khoản 4 Điều 3 của Quy chế này;
 - Các gói thầu thuộc Điểm b Khoản 5 Điều 3 của Quy chế này.
2. Căn cứ thực hiện chào hàng cạnh tranh, thực hiện theo Điều 23 của Luật Đấu thầu 43 và Điều 57 của Nghị định 63;
3. Quy trình chào hàng cạnh tranh rút gọn, thực hiện theo Điều 59 của Nghị định 63.

Điều 16. Quy trình mua sắm trực tiếp đối với các gói thầu theo Khoản 1, 2, 3, 4 Điều 3 của Quy chế này và đáp ứng điều kiện theo quy định tại Điều 24 của Luật Đấu thầu 43 và Điều 60 của Nghị định 63

Thực hiện theo quy trình và những quy định có liên quan tại Điều 24 của Luật Đấu thầu 43 và Điều 60 của Nghị định 63.

Điều 17. Quy trình mua sắm trực tiếp đối với các gói thầu theo Khoản 5 Điều 3 của Quy chế này, mà trước đó không quá 12 tháng đã có gói thầu tương tự được thực hiện theo quy trình chào hàng cạnh tranh tại Điều 14 và 15 của Quy chế này

1. Chuẩn bị lựa chọn nhà thầu:
 - a) Lập hồ sơ yêu cầu: Việc lập hồ sơ yêu cầu phải căn cứ theo quy định tại Khoản 1 Điều 12 của Nghị định 63. Hồ sơ yêu cầu bao gồm các nội dung thông tin tóm tắt về gói thầu; yêu cầu nhà thầu cập nhật thông tin về năng lực, kinh nghiệm (khi cần thiết); yêu cầu về tiến độ cung cấp và cam kết cung cấp hàng hóa bảo đảm kỹ thuật, chất lượng theo yêu cầu của hồ sơ mời thầu trước đó; yêu cầu về đơn giá của hàng hóa tối đa.
 - b) Không chế gói thầu mua sắm trực tiếp giá trị phải nhỏ hơn 130% so với gói thầu tương tự đã thực hiện thông qua hình thức chào hàng cạnh tranh trước đó;
 - c) Hồ sơ yêu cầu phải được thẩm định theo quy định tại Điều 105 của Nghị định 63 trước khi phê duyệt;
 - d) Việc phê duyệt hồ sơ yêu cầu phải bằng văn bản và căn cứ vào tờ trình phê duyệt.
2. Hồ sơ yêu cầu được phát hành cho các nhà thầu trong danh sách nhà thầu tham gia chuỗi cung ứng quy định tại Khoản 4 Điều 2 của Quy chế này. Gói thầu có thể được phân ra cho các nhà thầu trong danh sách nhà thầu tham gia chuỗi cung

ứng cùng thực hiện nhằm thực hiện yêu cầu tại Điểm a Khoản 9 Điều 7 của Quy chế này;

3. Nhà thầu chuẩn bị và nộp hồ sơ đề xuất theo yêu cầu của hồ sơ yêu cầu.

4. Đánh giá hồ sơ đề xuất và thương thảo về các đề xuất của nhà thầu:

a) Đánh giá hồ sơ đề xuất: Kiểm tra các nội dung về kỹ thuật và đơn giá; cập nhật thông tin về năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu (nếu có yêu cầu); đánh giá tiến độ thực hiện, biện pháp cung cấp hàng hóa, giải pháp kỹ thuật và biện pháp tổ chức thực hiện gói thầu; các nội dung khác (nếu có).

b) Trong quá trình đánh giá, bên mời thầu mời nhà thầu đến thương thảo, làm rõ các nội dung thông tin cần thiết của hồ sơ đề xuất nhằm chứng minh sự đáp ứng của nhà thầu theo yêu cầu về năng lực, tiến độ, chất lượng, giải pháp kỹ thuật và biện pháp tổ chức thực hiện gói thầu;

c) Đơn giá gói thầu áp dụng mua sắm trực tiếp không được vượt đơn giá của gói thầu tương tự đã ký hợp đồng trước đó, đồng thời phù hợp với giá cả thị trường tại thời điểm thương thảo hợp đồng.

5. Trình, thẩm định, phê duyệt và công khai kết quả mua sắm trực tiếp:

a) Kết quả lựa chọn nhà thầu phải được thẩm định theo quy định tại Khoản 1 và Khoản 4 Điều 106 của Nghị định 63 trước khi phê duyệt;

b) Việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu phải bằng văn bản và căn cứ vào tờ trình phê duyệt;

c) Kết quả lựa chọn nhà thầu được thông báo bằng văn bản về các nội dung có liên quan đến tất cả các nhà thầu tham gia nộp hồ sơ đề xuất và thông báo công khai thông qua Website: xosocamau.com.

6. Hoàn thiện và ký kết hợp đồng: Hợp đồng ký kết giữa các bên phải phù hợp với quyết định phê duyệt kết quả mua sắm trực tiếp, biên bản thương thảo hợp đồng (nếu có), hồ sơ yêu cầu, hồ sơ đề xuất và các tài liệu liên quan khác.

Điều 18. Hình thức lựa chọn nhà thầu, nhà cung cấp và đối tác khác

1. Đối với gói thầu theo Điểm đ Khoản 5 Điều 3 của Quy chế này có giá trị trên 100 triệu đồng:

a) Hồ sơ chọn thầu bao gồm các nội dung: Thông tin tóm tắt về gói thầu; yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm nhà thầu (khi cần thiết); yêu cầu về tiến độ cung cấp; kỹ thuật, chất lượng hàng hóa; yêu cầu về đơn giá hàng hóa tối đa (có giải trình về cơ sở xác định đơn giá) và các quy định có liên quan khác;

b) Quy trình lập và phê duyệt: Tổ Lập hồ sơ và Đánh giá có trách nhiệm lập hồ sơ yêu cầu, Tổ Thẩm định có ý kiến trực tiếp vào hồ sơ yêu cầu và Giám đốc phê duyệt trực tiếp vào hồ sơ yêu cầu.

c) Thông báo tóm tắt nội dung hồ sơ yêu cầu gửi trực tiếp cho các nhà thầu đủ điều kiện tham gia chuỗi cung ứng theo quy định tại Khoản 3 Điều 2 của Quy chế này và thông qua Website xosocamau.com (không thông báo nội dung đơn giá); các nhà thầu khác ngoài quy định tại Khoản 3 Điều 2 của Quy chế này vẫn được quyền tham gia thực hiện gói thầu nếu đáp ứng yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm và có mức giá thấp nhất;

d) Căn cứ thông tin phản hồi của nhà thầu: Tổ Lập hồ sơ và Đánh giá lập báo cáo đánh giá, đề xuất lựa chọn nhà thầu; Tổ Thẩm định có ý kiến trực tiếp vào báo cáo và Giám đốc phê duyệt trực tiếp vào báo cáo đánh giá, đề xuất lựa chọn nhà thầu;

đ) Tiến hành ký kết hợp đồng;

e) Thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu qua Website xosocamau.com.

2. Đối với gói thầu theo Điểm d Khoản 5 Điều 3 của Quy chế này có giá trị từ 50 triệu đến 100 triệu đồng:

a) Cán bộ chức năng trực tiếp tham khảo thị trường, báo cáo kết quả khảo sát và đề nghị phương án chọn nhà thầu (Thực hiện như vai trò của Tổ Lập hồ sơ), Tổ Thẩm định có ý kiến trực tiếp vào báo cáo và trình Giám đốc phê duyệt.

b) Tiến hành ký kết hợp đồng.

3. Đối với gói thầu theo Điểm a Khoản 6 Điều 3 của Quy chế này:

Đây là gói thầu đặc thù, đòi hỏi quy trình kỹ thuật đặc biệt, đối tác phải ổn định lâu dài; ngoài ra Công ty đang hợp tác thực hiện gói thầu này là Công ty Cổ phần Dịch vụ In Trần Ngọc Hy Cà Mau, một doanh nghiệp mà Xổ Số Cà Mau đã sở hữu trên 48% cổ phần. Do đó, quy trình lựa chọn nhà thầu được áp dụng theo hình thức sau đây:

a) Chọn Công ty Cổ phần Dịch vụ In Trần Ngọc Hy Cà Mau là nhà thầu ổn định lâu dài.

b) Giới hạn thời gian thực hiện mỗi hợp đồng là 12 tháng.

c) Giá do nhà thầu đề xuất; Tổ Lập hồ sơ tiếp nhận kiểm tra, lập báo cáo; Tổ Thẩm định có ý kiến trực tiếp vào báo cáo và trình Chủ tịch Công ty phê duyệt.

d) Thực hiện ký hợp đồng, hoặc phụ lục hợp đồng.

3. Đối với gói thầu theo Điểm b Khoản 6 Điều 3 của Quy chế này:

a) Cán bộ chức năng trực tiếp tham khảo thị trường, báo cáo kết quả khảo sát và đề nghị phương án chọn nhà thầu (Thực hiện như vai trò của Tổ Lập hồ sơ), Tổ Thẩm định có ý kiến vào báo cáo và trình Giám đốc phê duyệt trực tiếp vào báo cáo để thực hiện.

b) Tiến hành ký kết hợp đồng, hoặc bán hàng trực tiếp.

Chương III

KẾ HOẠCH ; QUY TRÌNH LỰA CHỌN NHÀ THẦU; PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỒ SƠ DỰ THẦU, HỒ SƠ ĐỀ XUẤT; XÉT DUYỆT TRÚNG THẦU VÀ HỢP ĐỒNG

Điều 19. Kế hoạch lựa chọn nhà thầu

1. Nguyên tắc lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu, thực hiện theo Điều 33 của Luật Đấu thầu 43;

2. Lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu, thực hiện theo Điều 34 của Luật Đấu thầu 43;

3. Nội dung kế hoạch lựa chọn nhà thầu đối với từng gói thầu, thực hiện theo Điều 35 của Luật Đấu thầu 43;

4. Trình duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu, thực hiện theo Điều 36 của Luật Đấu thầu 43;

5. Thẩm định và phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu, thực hiện theo Điều 37 của Luật Đấu thầu 43;

Riêng đối với các gói thầu theo Khoản 5 Điều 3 của Quy chế này vẫn thực hiện theo 05 bước nói trên nhưng về nguyên tắc lập và nội dung được điều chỉnh phù hợp theo những điều khoản có liên quan của Quy chế này.

Điều 20. Quy trình lựa chọn nhà thầu

1. Đối với các gói thầu theo Khoản 1, 2, 3, 4 Điều 3 của Quy chế này thực hiện theo Điều 38 của Nghị định 63.

2. Đối với các gói thầu theo Khoản 5 Điều 3 của Quy chế này vẫn thực hiện theo Điều 38 của Nghị định 63 nhưng được điều chỉnh phù hợp theo những điều khoản có liên quan của Quy chế này.

Điều 21. Phương pháp đánh giá hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất

1. Phương pháp đánh giá hồ sơ dự thầu đối với gói thầu cung cấp dịch vụ phi tư vấn, mua sắm hàng hóa, xây lắp, hỗn hợp, thực hiện theo Điều 39 của Luật Đấu thầu 43;

2. Phương pháp đánh giá hồ sơ dự thầu đối với gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn, thực hiện theo Điều 40 của Luật Đấu thầu 43;

3. Phương pháp đánh giá hồ sơ đề xuất, thực hiện theo phương pháp giá thấp nhất quy định tại Khoản 1 Điều 39 của Luật Đấu thầu 43.

4. Riêng các gói thầu theo Khoản 5, Điều 3 của Quy chế này về cơ bản vẫn thực hiện theo Khoản 3 Điều này, nhưng được điều chỉnh phù hợp đơn theo kế hoạch đấu thầu và hồ sơ đề xuất thực tế của từng gói thầu.

Điều 22. Xét duyệt trúng thầu

1. Xét duyệt trúng thầu đối với đấu thầu cung cấp dịch vụ tư vấn, thực hiện theo Điều 42 của Luật Đấu thầu 43;

2. Xét duyệt trúng thầu đối với đấu thầu cung cấp dịch vụ phi tư vấn, mua sắm hàng hóa, xây lắp, hỗn hợp, thực hiện theo Điều 43 của Luật Đấu thầu 43;

3. Riêng các gói thầu theo Khoản 5, Điều 3 của Quy chế này về cơ bản vẫn thực hiện theo Khoản 2 Điều này, nhưng về hình thức, thủ tục được điều chỉnh đơn giản phù hợp theo thực tế và các điều khoản có liên quan của Quy chế này.

Điều 23. Hợp đồng với nhà thầu

1. Nguyên tắc của hợp đồng, thực hiện theo Điều 89 của Nghị định 63;

2. Giá hợp đồng, thực hiện theo Điều 90 của Nghị định 63;

3. Đồng tiền và hình thức thanh toán hợp đồng, thực hiện theo Điều 91 của Nghị định 63;

4. Tạm ứng hợp đồng, thực hiện theo Điều 91 của Nghị định 63;
5. Đồng tiền và hình thức thanh toán hợp đồng, thực hiện theo Điều 92 của Nghị định 63;
6. Điều chỉnh giá và khối lượng của hợp đồng, thực hiện theo Điều 93 của Nghị định 63;
7. Thanh toán hợp đồng, thực hiện theo Điều 94 của Nghị định 63;
8. Thanh toán đối với loại hợp đồng trọn gói, thực hiện theo Điều 95 của Nghị định 63;
9. Thanh toán đối với loại hợp đồng theo đơn giá cố định, thực hiện theo Điều 96 của Nghị định 63;
10. Thanh toán đối với loại hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh, thực hiện theo Điều 97 của Nghị định 63;
11. Thanh toán đối với loại hợp đồng theo thời gian, thực hiện theo Điều 98 của Nghị định 63;
12. Thanh lý hợp đồng, thực hiện theo Điều 99 của Nghị định 63;
13. Loại hợp đồng, thực hiện theo Điều 62 của Luật Đấu thầu 43;
14. Hồ sơ hợp đồng, thực hiện theo Điều 63 của Luật Đấu thầu 43;
15. Điều kiện ký hợp đồng, thực hiện theo Điều 64 của Luật Đấu thầu 43;
16. Hợp đồng với nhà thầu được lựa chọn, thực hiện theo Điều 65 của Luật Đấu thầu 43;
17. Bảo đảm thực hiện hợp đồng, thực hiện theo Điều 66 của Luật Đấu thầu 43;
18. Nguyên tắc điều chỉnh hợp đồng, thực hiện theo Điều 67 của Luật Đấu thầu 43;
19. Đối với gói thầu theo Khoản 5 Điều 3 của Quy chế này vẫn thực hiện các điều khoản trên nhưng được điều chỉnh theo những điều khoản có liên quan của Quy chế này.

Chương IV

CÁC NỘI DUNG KHÁC CÓ LIÊN QUAN ĐẾN LỰA CHỌN NHÀ THẦU VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 24. Trách nhiệm các bên trong việc lựa chọn nhà thầu

1. Trách nhiệm của người có thẩm quyền, thực hiện theo Điều 73 của Luật Đấu thầu 43. Người có thẩm quyền tại Xổ Số Cà Mau là Chủ tịch Công ty;
2. Trách nhiệm của chủ đầu tư, thực hiện theo Điều 74 của Luật Đấu thầu 43. Chủ đầu tư tại Xổ Số Cà Mau là Giám đốc Công ty;
3. Trách nhiệm của bên mời thầu, thực hiện theo Điều 75, Điều 79 của Luật Đấu thầu 43. Tại Xổ Số Cà Mau, thực hiện các công việc liên quan đến mời thầu do Tổ lập hồ sơ và đánh giá hồ sơ thực hiện, hoặc thuê đơn vị tư vấn và do Giám đốc Công ty phê duyệt;

4. Trách nhiệm của tổ chuyên gia, thực hiện theo Điều 76 của Luật Đấu thầu 43;

5. Trách nhiệm của nhà thầu, nhà đầu tư thực hiện theo Điều 77, Điều 80 của Luật Đấu thầu 43;

6. Trách nhiệm của tổ chức thẩm định, thực hiện theo Điều 78 của Luật Đấu thầu 43. Tại Xổ Số Cà Mau, thực hiện các công việc liên quan đến mời thầu do Tổ thẩm định thực hiện, hoặc thuê đơn vị tư vấn và do Giám đốc Công ty phê duyệt.

Điều 25. Phân cấp trách nhiệm thẩm định, phê quyết trong lựa chọn nhà thầu

1. Trách nhiệm của Chủ tịch Công ty, thực hiện theo Điều 102 của Nghị định 63;

2. Trách nhiệm của đơn vị thẩm định, thực hiện theo Điều 104 của Nghị định 63;

3. Thẩm định hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu, thực hiện theo Điều 105 của Nghị định 63;

4. Thẩm định kết quả đánh giá hồ sơ mới thầu, hồ sơ yêu cầu, thực hiện theo Điều 106 của Nghị định 63.

Điều 26. Hành vi bị cấm và xử lý trong đấu thầu

1. Các hành vi bị cấm trong đấu thầu, thực hiện theo Điều 89 của Luật Đấu thầu 43;

2. Xử lý vi phạm, thực hiện theo Điều 90 của Luật Đấu thầu 43.

Điều 27. Giải quyết tranh chấp trong đấu thầu

1. Xử lý tình huống trong đấu thầu, thực hiện theo Điều 117 của Nghị định 63;

2. Giải quyết kiến nghị trong đấu thầu, thực hiện theo Điều 91 của Luật Đấu thầu 43 và Điều 118, 119, 120 của Nghị định 63;

3. Quy trình giải quyết kiến nghị, thực hiện theo Điều 92 của Luật Đấu thầu 43.

Điều 28. Xử lý vi phạm trong đấu thầu

1. Các hình thức xử lý vi phạm trong đấu thầu, thực hiện theo Điều 121 của Nghị định 63;

2. Hình thức cấm tham gia quá trình lựa chọn nhà thầu, thực hiện theo Điều 122 của Nghị định 63;

3. Hủy, đình chỉ, không công nhận kết quả lựa chọn nhà thầu, thực hiện theo Điều 123 của Nghị định 63;

4. Bồi thường thiệt hại do vi phạm pháp luật về đấu thầu, thực hiện theo Điều 124 của Nghị định 63.

Điều 29. Kiểm tra, giám sát Xử lý vi phạm trong đấu thầu

1. Kiểm tra hoạt động đấu thầu, thực hiện theo Điều 125 của Nghị định 63;

2. Giám sát, theo dõi hoạt động đấu thầu, thực hiện theo Điều 126 của Nghị định 63.

Điều 30. Các vấn đề khác

1. Mẫu hồ sơ đấu thầu, thực hiện theo Điều 127 của Nghị định 63. Riêng mẫu hồ sơ yêu cầu đối với các gói thầu theo Khoản 5 Điều 3 của Quy chế này thực hiện theo phụ lục kèm theo của Quy chế này;

2. Quản lý nhà thầu, thực hiện theo Điều 128 của Nghị định 63.

Điều 31. Hiệu lực thi hành

Quy chế này nhằm cụ thể hóa Luật Đấu thầu 43 và Nghị định 63, nên hiệu lực thi hành thực hiện theo Luật Đấu thầu 43 và Nghị định 63. Khi có Thông tư hướng dẫn các điều khoản có liên quan đến Luật Đấu thầu 43 và Nghị định 63 thì mặc định được cập nhật áp dụng vào Quy chế này.

Riêng những nội dung liên quan đến các gói thầu theo Khoản 5 Điều 3 của Quy chế này có giá trị thực hiện theo Quyết định ban hành Quy chế này.



CHỦ TỊCH CÔNG TY

Lê Thanh Hải